TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 02 – 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Hà Thanh Hùng;

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Linh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Thành N (vắng), sinh năm 1982; cư trú tại: Số 22 đường Hùng Vương, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thành N: Ông Đặng Minh H (có mặt); cư trú tại: Số 24, đường 3/2, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Trọng D, sinh năm 1970 (vắng);

2. Bà Lâm Thị Tường L, sinh năm 1974 (vắng);

Cùng cư trú tại: Số 47, đường Châu Văn Đặng, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trọng D: Ông Phan Hoàng B (vắng); cư trú tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2023).

Đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Tường L: Bà Lê Huỳnh Ni (có mặt); nơi cư trú: Khóm 3, phường 4, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2024).

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Thành N – Nguyên đơn;

Ông Phan Trọng D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây ông Võ Thành N có cho ông D và bà L vay tiền nhiều lần qua hình thức chuyển khoản và tiền mặt, thỏa thuận vay không lãi suất. Đến ngày 26/7/2020 các bên chốt nợ, ông D và bà L còn nợ ông N tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng, nên hai bên thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng ông D sẽ thanh toán nợ nhưng qua nhiều lần hẹn mà ông D và bà L không thanh toán. Đến ngày 13/02/2023 ông D viết biên nhận nợ, ông D xin được thanh toán bằng hình thức trả dần được ông N đồng ý, thỏa thuận ngày 20/02/2023 ông D trả trước cho ông N 10.000.000 đồng, đến ngày 15/3/2023 trả 300.000.000 đồng, từ ngày 20/3/2023 mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Từ khi thỏa thuận đến nay ông D và bà L vẫn không trả nợ, vì vậy ông N khởi kiện yêu cầu ông D và bà L liên đới thanh toán tiền vốn 3.000.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 26/7/2020 đến ngày tuyên án với mức lãi suất 20%/năm. Tại phiên tòa ông N thay đổi yêu cầu tính lãi, cụ thể yêu cầu lãi từ ngày 21/02/2023 đến ngày tuyên án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Trọng D và đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trọng D trình bày:

Ông Phan Trọng D không thừa nhận có vay của ông N số tiền 3.000.000.000 đồng. Ông D thừa nhận có vay tiền của ông N nhiều lần, thời gian bắt đầu vay từ năm 2020, tổng số tiền vay là 1.764.000.000 đồng theo chứng từ ông N chuyển khoản cho ông D, ông N không giao tiền mặt cho ông, lãi suất vay 10%/tháng. Từ khi vay đến nay ông D chưa thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho ông N, việc ông D vay tiền của ông N thì bà L không biết.

Đối với biên nhận dưới dạng giấy mượn tiền do ông D viết đề ngày 13/02/2023 thể hiện nội dung nợ ông N số tiền 3.000.000.000 đồng là do ông D không có tiền trả lãi nên ông N gây áp lực buộc ông D viết, mục đích là để ông N cho trả dần. Nay ông N yêu cầu ông D và bà L liên đới thanh toán số tiền 3.000.000.000 đồng thì ông D không đồng ý, ông D chỉ đồng ý thanh toán cho ông N số tiền 1.764.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, đồng thời đây là nợ riêng của ông D nên sẽ tự thanh toán.

- Quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Thị Tường L và đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:

Bà L có quen biết với ông N do là hàng xóm của nhau, hiện ông N khởi kiện yêu cầu bà L và ông D cùng có trách nhiệm thanh toán tiền vốn vay 3.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà L không đồng ý, lý do việc ông N có cho ông D vay tiền hay

không thì bà L hoàn toàn không biết, ông D cũng không sử dụng khoản tiền vay này để phục vụ nhu cầu của gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định (tóm tắt).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành N. Buộc ông Phan Trọng D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Thành N số tiền 3.140.270.000 (ba tỷ một trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành N về việc buộc bà Lâm Thị Tường L có nghĩa vụ liên đới với ông Phan Trọng D thanh toán nợ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/8/2023 nguyên đơn là ông Võ Thành N kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc bà Lâm Thị Tường L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Phan Trọng D thanh toán cho ông với số tiền 3.140.270.000 đồng.

Ngày 23/8/2023 bị đơn là ông Phan Trọng D kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, ông D chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ là 1.674.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đặng Minh H là đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thành N giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp cho chủ hộ kinh doanh là bà Lâm Thị Tường L, với ngành nghề kinh doanh: Quán giải khát; giữ và rửa xe ô tô; mua bán xe ô tô cũ, mới; thu mua tôm nguyên liệu. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho thấy vợ chồng ông D và bà L cùng kinh doanh.

Ông D khai vay tiền của ông N để mua vé số Vietlott nhưng các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ cho thấy mua Vietlott từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 01, 02 năm 2022. Trong khi ông D khai số tiền vay ông N từ năm 2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D khai nguồn tiền mua số Vietlott là do em ở nước ngoài cho. Do đó, có căn cứ xác định ông D vay tiền của ông N để cùng kinh doanh với bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N, buộc bà L cùng liên đới trả nợ với ông D.

- Bà Lê Huỳnh Ni là đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Tường L trình bày: Bà L không biết số nợ ông D, không có ký tên vô biên nhận giữa ông D với ông N. Bà L kinh doanh với tư cách cá nhân, do đó bà L không liên đới trách nhiệm trả nợ cho ông N. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2023/DS-ST ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thành N và bị đơn là ông Phan Trọng D nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Trọng D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 07/8/2023 ông Phan Trọng D ký hợp đồng ủy quyền cho ông Phan Hoàng B, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đoàn Ngọc Liên. Phạm vi ủy quyền: "… Ông Phan Hoàng B được trực tiếp tham gia phiên tòa xét xử cấp phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau…"; Thời hạn ủy quyền: "Kể từ ngày ký Hợp đồng ủy quyền trước Văn phòng Công chứng đến khi có Hợp đồng ủy quyền khác thay thế hoặc kết thúc vụ án" (bút lục 222 đến 225).

Ngày 24/7/2023 bà Lâm Thị Tường L ký hợp đồng ủy quyền cho ông Phan Hoàng B, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đoàn Ngọc Liên. Phạm vi ủy quyền: "…Ông Phan Hoàng B được trực tiếp tham gia phiên tòa xét xử cấp phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau…"; Thời hạn ủy quyền: "Kể từ ngày ký Hợp đồng ủy quyền trước Văn phòng Công chứng đến khi có Hợp đồng ủy quyền khác thay thế hoặc kết thúc vụ án" (bút lục 72 đến 76).

Ngày 05/01/2024 bà Lâm Thị Tường L và ông Phan Hoàng B ký hợp đồng chấm dứt hợp đồng ủy quyền, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đoàn Ngọc Liên (bút lục 276,277).

Ngày 08/01/2024 bà Lâm Thị Tường L ký hợp đồng ủy quyền cho bà Lê Huỳnh Ni, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Bích Trân. Phạm vi ủy quyền "…được tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm…". Thời hạn ủy quyền: "Kể từ ngày Hợp đồng này được chứng nhận đến khi có quyết định bằng bản án có hiệu lực của Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc ủy quyền này chấm dứt theo quy định của pháp luật" (bút lục 274,275).

Ngày 25/01/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận được Đơn yêu cầu của ông Phan Trọng D, nội dung yêu cầu xin được chấm dứt ủy quyền với ông Phan Hoàng B, đơn được Văn phòng Công chứng Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang chứng thực (bút lục từ 297 đến 300).

[2.2] Do Hợp đồng ủy quyền giữa ông Phan Trọng D và ông Phan Hoàng B được công chứng, thì việc hủy bỏ, chấm dứt chỉ phát sinh hiệu lực khi đáp ứng theo quy định của Luật công chứng.

Điều 51 Luật Công chứng quy định:

"Điều 51. Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch

1. Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó.

2. Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó và do công chứng viên tiến hành. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể thì công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.

3. Thủ tục công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng được thực hiện như thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch quy định tại Chương này".

[2.3] Theo quy định tại Điều 51 của Luật Công chứng nêu trên và theo Hợp đồng ủy quyền giữa ông Phan Trọng D và ông Phan Hoàng B, thì Hợp đồng ủy quyền giữa ông Phan Trọng D và ông Phan Hoàng B vẫn còn hiệu lực cho đến khi có Hợp đồng ủy quyền khác thay thế hoặc kết thúc vụ án.

Hơn nữa, khi Cán bộ Tòa án tống đạt văn bản cho ông Phan Hoàng B để mời đến phiên tòa xét xử lần thứ hai vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 27/02/2024 thì ông Phan Hoàng B vẫn ký nhận, không có ý kiến hoặc thông báo gì với Cán bộ Tòa án về việc chấm dứt ủy quyền, như ông D trình bày trong đơn.

[2.4] Do ông Phan Hoàng B là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trọng D, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của ông Phan Trọng D.

[3] Xét kháng cáo của ông Võ Thành N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông D xác định vay tiền của ông N từ năm 2020 để mua vé số Vietlott nhưng các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ cho thấy ông D mua Vietlott từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 01, 02 năm 2022. Mặt khác, tại trang 9 Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 237), ông D khai nguồn tiền mua số Vietlott khoảng 800 triệu là do em ở nước ngoài cho.

Do đó, không có căn cứ cho là ông D vay tiền ông N để chi xài riêng như ông D và bà L trình bày.

Thời điểm vay nợ ông N, ông D và bà L là vợ chồng và cùng cư trú tại số 47, đường Châu Văn Đặng, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thể hiện tên hộ kinh doanh là quán cà phê Tình Quê. Ngành nghề kinh doanh là: Quán giải khát, giữ và rửa xe ô tô, mua bán xe ô tô cũ, mới; thu mua tôm nguyên liệu.

Như vậy, có căn cứ xác định ông D và bà L cùng kinh doanh.

[3.2]

- Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

"Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1...

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

- Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

"Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

"1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

- Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

"Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1...

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

[4] Như vậy, dựa vào các căn cứ và quy định của pháp luật nêu trên, việc ông D vay tiền của ông N để cùng kinh doanh, thuộc khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình nên thuộc nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Do đó, bà L phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ mà ông D đã vay theo nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Bản án sơ thẩm xác định số nợ của ông N là nợ riêng của ông D, không liên quan đến bà L, là chưa phù hợp.

[5] Từ những căn cứ và phân tích trên, bà L phải có nghĩa vụ liên đới với ông D trả nợ cho ông N. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành N, sửa Bản án sơ thẩm số 174/2023/DS-ST ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau khác với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Trọng D và bà Lâm Thị Tường L phải chịu 94.805.000 (*chín mươi bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng*).

- Ông Võ Thành N không phải chịu án phí. Ngày 03/4/2023 ông N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 56.299.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, theo biên lai thu số 0003121, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thành N không phải chịu ông Phan Trọng D phải chịu 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đình chỉ kháng cáo của ông Phan Trọng D.

- Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành N

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành N. Buộc ông Phan Trọng D và bà Lâm Thị Tường L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Võ Thành N số tiền 3.140.270.000đ (*Ba tỷ, một trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày ông Võ Thành N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Trọng D và bà Lâm Thị Tường L không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Trọng D và bà Lâm Thị Tường L phải chịu 94.805.000đ (*Chín mươi bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng*).

- Ông Võ Thành N không phải chịu, ngày 03/4/2023 ông N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 56.299.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn*

đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, theo biên lai thu số 0003121, được nhận lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Võ Thành N không phải chịu. Ngày 22/8/2023 ông N đã dự nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai số 0003894, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

- Ông Phan Trọng D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng. Ngày 24/8/2023 ông D đã dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)*, theo biên lai số 0003910, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hà Thanh Hùng – Đinh cẩm Đào	**Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Thành phố Cà Mau;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh